TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĂN LÃNG** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2018/HS-ST
Ngày: 19 - 4 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN LÃNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nông Thị Hà.
Các Hội thẩm nhân dân;
Bà Nguyễn Ngọc Linh;
Bà Lương Thị Phượng
- Thư ký phiên toà: Bà Lê Hồng Phương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng tham gia phiên toà: Ông Lộc Nam Duy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 17/2018/TLST- HS ngày 30 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2018/QĐXXST- HS ngày 06 tháng 4 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Mông Văn Q,** sinh ngày 22 tháng 6 năm 1995. Tại tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi đang sinh sống: Thôn K, xã H, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Nùng; trình độ văn hoá: 7/12; con ông Mông Văn T (đã chết); con bà Hà Thị C (đã chết); vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/01/2018 đến ngày 13/02/2018 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cho bảo lĩnh. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Mông Văn Q*: Bà Ngô Thị Thanh H1 - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Người bị hại:* Bà Lâm Thị M1, sinh năm 1963, trú tại: Thôn K, xã H, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Mông Văn P, sinh năm 1994, trú tại: Thôn K, xã H, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Những người làm chứng:*

1. Anh Mông Văn L, sinh năm 1996, trú tại: Thôn K, xã H, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

2. Anh Mông Văn H2, sinh năm 1989, trú tại: Thôn K, xã H, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

3. Mông Văn M2, sinh năm 2001, trú tại: Thôn K, xã H, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt. *Đại diện hợp pháp của người làm chứng Mông Văn M2:* Anh Mông Văn H2, sinh năm 1989, trú tại: Thôn K, xã H, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

4. Ông Hoàng Văn K, sinh năm 1979, trú tại: Thôn P, xã G, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

5. Chị Mông Thị H3, sinh năm 1986, trú tại: Thôn P, xã G, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

6. Bà Mông Thị D, sinh năm 1960, trú tại: Thôn B, xã H, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Người chứng kiến:* Anh Mông Văn N, sinh năm 1971, trú tai: Thôn K, xã H, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 29/12/2017, Mông Văn Q đã có hành vi lén lút, đi vào nhà bà Lâm Thị M1 ở thôn K, xã H, huyện V, tỉnh Lạng Sơn lấy trộm số tiền 17.000.000 (mười bẩy triệu) đồng của gia đình bà M1 bỏ trong túi vải, để ở trên nóc tủ, dưới tấm chăn bông.

Tại bản cáo trạng số 21/CT-VKS ngày 28/3/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Mông Văn Q về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự 1999.

Tại phiên tòa bị cáo Mông Văn Q khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung đã nêu ở trên, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và xin được miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay lời khai của người bị hại bà Lâm Thị M1 phù hợp với lời khai của bị cáo tại phiên tòa và số tiền 17.000.000 (mười bẩy triệu) đồng theo bà được biết Cơ quan điều tra đã thu hồi lại đầy đủ, nhưng bà chưa được trả lại. Nay yêu cầu Hội đồng xét xử trả lại cho bà, bà không đề nghị bị cáo bồi thường gì thêm và về phần hình phạt đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Mông Văn Q phạm tội "Trộm cắp tài sản". Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 138, điểm b, h, p khoản 1, 2 Điều 46, Điều 60 Bộ luật Hình sự 1999. Xử phạt bị cáo Mông Văn Q từ 12 đến 18 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 (hai) đến 03 (ba) năm.

Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo vì bị cáo bản thân không có tài sản gì có giá trị, gia đình thuộc hộ nghèo.

Về trách nhiệm dân sự: Số tiền 17.000.000 (mười bẩy triệu) đồng mà bị cáo trộm cắp của người bị hại trong quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã thu hồi, nhưng chưa trả lại cho người bị hại. Đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho người bị hại.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 41, Điều 42 Bộ luật Hình sự 1999; điểm b, c khoản 2, khoản 3 Điều 76 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2003. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Trả lại cho người bị hại bà Lâm Thị M1 số tiền 17.000.000 (mười bẩy triệu) đồng, đây là số tiền bị cáo trộm cắp của gia đình bà M1.

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) đèn pin chiếu sáng, loại đèn có dây chun để deo lên đầu, vành đàn pin có đường kính 05cm, đèn dài 7,5cm đã qua sử dụng. Đây là công cụ bị cáo dùng để soi sáng trộm cắp tiền của bà Lâm Thị M1, đây là vật chứng không có giá trị.

Tại phiên tòa Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo Mông Văn Q đề nghị các tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo cụ thể:

Bị cáo Mông Văn Q sau khi phạm tội đã ra đầu thú, thật thà khai báo, chưa có tiền án, tiền sự, nhân thân tốt, số tiền bị cáo trộm cắp của người bị hại đã được Cơ quan điều tra thu hồi, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo sinh sống tại vùng có kinh tế đặc biệt khó khăn, nên hạn chế về mặt nhận thức pháp luật, gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo, người bị hại cùng có lỗi trong việc quản lý tài sản. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 31 Bộ luật Hình sự 1999. Đề nghị xử phạt bị cáo 12 tháng cải tạo không giam giữ.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo vì bị cáo không có tài sản gì, gia đình thuộc hộ nghèo, sinh sống tại vùng có kinh tế đặc biệt khó khăn.

Về phần trách nhiệm dân sự và phần vật chứng: Nhất trí với đề nghị của vị Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Về phần án phí: Đề nghị Tòa án miễn án phí cho bị cáo Mông Văn Q lý do bị cáo là người dân thiểu số, sinh sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn và là hộ nghèo theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/20/16/UBTVQHQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ căn cứ để kết luận: Khoảng 20 giờ ngày 29/12/2017, Mông Văn Q đã có hành vi lén lút, đi vào nhà bà Lâm Thị M1 ở thôn K, xã H, huyện V, tỉnh Lạng Sơn lấy trộm số tiền 17.000.000 (mười bẩy triệu) đồng của gia đình bà Lâm Thị M1. Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng truy tố bị cáo về tội " Trộm

cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự 1999 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan và phù hợp với Nghị quyết số 41/2017/QH14, ngày 20/6/2017 của Quốc hội khóa 14.

[3] Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm tới quyền sở hữu về quyền tài sản của người khác, mà quyền này được pháp luật bảo vệ. Bị cáo lợi dụng sự mất cảnh giác của chủ sở hữu đã trực tiếp lén lút chiếm đoạt tài sản. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng do bị cáo lười lao động, hám lợi cá nhân nên bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi trộm cắp, hành vi của bị cáo gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng đến tình hình trật tự an ninh trên địa bàn huyện V. Do vậy, hành vi của bị cáo gây ra cần phải được xử lý nghiêm minh trước pháp luật mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Xét về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt; về tình tiết tăng nặng: Không có; về tình tiết giảm nhẹ: Số tiền bị cáo trộm cắp một phần đã được thu hồi lại và một phần bị cáo đã tiêu thì gia đình bị cáo đã thay mặt bị cáo nộp cho Cơ quan điều tra để trả lại cho người bị hại; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại Cơ quan điều tra và tại phiên toà hôm nay bị cáo đã có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi sự việc bị phát hiện bị cáo đã ra đầu thú tại Cơ quan điều tra. Do đó, có căn cứ cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự 1999.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại tại khoản 5 Điều 138 Bộ luật Hình sự 1999 quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng”. Do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo biên bản xác minh ngày 02/3/2018 và giấy chứng nhận hộ nghèo, cận nghèo cho thấy bản thân không sở hữu tài sản gì có giá trị, gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo, cận nghèo. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo Mông Văn Q.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Số tiền 17.000.000 (mười bẩy triệu) đồng mà bị cáo trộm cắp của người bị hại Lâm Thị M1 trong quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã thu hồi. Nay trả lại cho người bị hại Lâm Thị M1 và tại phiên tòa người bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, ngoài ra tại phiên tòa anh Mông Văn H2 anh trai bị cáo là người bỏ ra 5.000.000 (năm triệu) đồng, chị Mông Thị H3 chị gái bị cáo là người bỏ ra 2.000.000 (hai triệu) đồng cho bị cáo để bị cáo trả lại cho người bị hại. Tại phiên tòa anh H2 và chị H3 không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại số tiền này. Do vậy, về phần trách nhiệm dân sự Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 41, Điều 42 Bộ luật Hình sự 1999; điểm b, c khoản 2, khoản 3 Điều 76 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2003. Hội đồng xét xử thấy: Đối với số tiền 17.000.000 (mười bẩy triệu) đồng. Xét thấy, đây là số tiền bị cáo trộm cắp của gia đình bà Lâm Thị M1. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Văn Lãng đã thu hồi được của bị cáo và gia đình bị cáo trả hộ

cho bị cáo và được chuyển giao cho chi Cục thi hành án nhân dân huyện Văn Lãng. Trả lại cho bà Lâm Thị M1; đối với 01 (một) đèn pin chiếu sáng, loại đèn có dây chun để đeo lên đầu, vành đèn pin có đường kính 05cm, đèn dài 7,5cm đã qua sử dụng. Đây là công cụ bị cáo dùng để soi sáng trộm cắp tiền của bà Lâm Thị M1. Xét thấy, đây là vật chứng không có giá trị, tịch thu tiêu hủy.

[8] Đối với bà Mông Thị D quá trình điều tra, Cơ quan điều tra xác định bị cáo không mang số tiền 17.000.000 (mười bảy triệu) đồng tiền trộm cắp đến gửi bà. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát, trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo đề nghị mức án đối với bị cáo, đề nghị về xử lý vật chứng. Hội đồng xét xử xẽ xem xét và quyết định.

[10] Ngày 19/4/2018 bị cáo Mông Văn Q có đơn xin miến án phí và trợ giúp viên đề nghị Tòa án miễn án phí cho bị cáo Q lý do bị cáo là người dân thiểu số, sinh sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn và là hộ nghèo theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/20/16/UBTVQHQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu xin được miễn án phí của bị cáo Q và vị trợ giúp viên bào chữa cho bị cáo vì theo điểm a khoản 1 Điều 32 Nghị quyết 326/20/16/UBTVQHQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định người bị kết án phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Vì vậy, bị cáo Mông Văn Q phải chịu án 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 99 Bộ luật Tố tụng Hình sự 1999; Điều 3, Điều 21, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 138, Điều 33, điểm b, h, p khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự 1999. Tuyên bố bị cáo Mông Văn Q phạm tội: *"Trộm cắp tài sản"*. Xử phạt bị cáo Mông Văn Q 06 (sáu) tháng tù giam. Được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/01/2018 đến ngày 13/02/2018 là 01 (một) tháng. Còn phải chấp hành tiếp 05 (năm) tháng. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản Điều 41, khoản 1 Điều 42 Bộ luật Hình sự 1999; điểm b, c khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2003.

Trả lại cho người bị hại bà Lâm Thị M1 số tiền 17.000.000 (mười bẩy triệu) đồng.

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) đèn pin chiếu sáng, loại đèn có dây chun để đeo lên đầu, vành đèn pin có đường kính 05cm, đèn dài 7,5cm đã qua sử dụng.

(Các vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại kho vật chứng Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Lãng theo biên bản giao nhận ngày 05/4/2018 và Giấy ủy nhiệm chi ngày 05/4/2018).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 99 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2003; Điều 3, Điều 21, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Mông Văn Q phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo (1b);
- Người bị hại (1b);
- Người có QL,NVLQ (1b);
- VKSND tỉnh Lạng Sơn (1b);
- VKSND huyện Văn Lãng (1b);
- Cơ quan ĐTCA huyện Văn Lãng (2b);
- Cơ quan THAHSCA huyện Văn Lãng (1b);
- Nhà tạm giữ Công an Huyện Văn Lãng (1b);
- TAND tỉnh Lạng Sơn (1b);
- Sở tư pháp tỉnh Lạng Sơn (1b);
- Chi cục THA dân sự huyện Văn Lãng (1b);
- Bộ phận thi hành án hình sự (2b);
- Lưu (văn phòng; hồ sơ vụ án) (3b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nông Thị Hà